TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số 95/2019/HS-ST
Ngày 26 tháng 6 năm 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Mạnh Thắng.
Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thu Hương
2. Bà Nguyễn Thị Thủy

- Thư ký phiên toà: Ông Đặng Văn Hưng – Thư ký Toà án nhân dân thành phố B

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Hải - Kiểm sát viên

Trong ngày 26/6/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 82/2019/TLST-HS, ngày 30 tháng 5 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97/2019/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 6 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Thị T, sinh năm 1960; nơi cư trú: số nhà 27, đường L, phường X, thành phố B, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ văn hoá: 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn S (Đã chết) và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1930; gia đình có 08 anh em, bị cáo là thứ tư; chồng là: Lưu Văn B, sinh năm 1956, có 2 con, con lớn sinh năm 1981, con nhỏ sinh năm 1989; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo đầu thú, bị tạm giữ từ ngày 22/11/2018 đến 30/11/2018. Hiện đang tại ngoại.

2. Họ và tên: Nguyễn Thị T, sinh năm 1973; nơi cư trú: số nhà 22, phố T, phường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Bán xổ số; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Tuấn O, sinh năm 1943 và bà Thân Thị D, sinh năm 1943; gia đình có 05 anh em, bị cáo là thứ tư; chồng là: Nguyễn Anh T, sinh năm 1966, có 2 con, con lớn sinh năm 1996, con nhỏ sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo đầu thú, bị tạm giữ từ ngày 22/11/2018 đến 30/11/2018. Hiện đang tại ngoại.

3. Họ và tên: Nguyễn Thị M, sinh năm 1974; nơi cư trú: số nhà 03, đường đê T, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Bán xổ số; trình độ văn hoá: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1937 (đã chết) và bà Nguyễn Thị N, sinh năm

1944; gia đình có 02 chị em, bị cáo là thứ nhất; chồng là: Nguyễn Văn C, sinh năm 1968 (đã ly hôn) và có 2 con, con lớn sinh năm 1993, con nhỏ sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo đầu thú, bị tạm giữ ngày 22/11/2018 đến ngày 23/11/2018. Hiện đang tại ngoại.

4. Họ và tên: Đỗ Mạnh N, sinh năm 1979; nơi cư trú: thôn T, xã N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hoá: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1951 và bà Dương Thị N, sinh năm 1954; gia đình có 03 chị em, bị cáo là thứ nhất; vợ là: Dương Thị H, sinh năm 1982 và có 03 con, con lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/11/2018 đến ngày 14/12/2018. Hiện đang tại ngoại.

(Các bị cáo đều có mặt tại phiên tòa)

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Anh Lưu Hoà V, sinh năm 1989

Trú quán: số nhà 27, đường L, phường X, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

- Ông Nguyễn Khắc L, sinh năm 1945

Trú quán: số nhà 26, đường T, phường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

- Anh Đồng Minh T, sinh năm 1972

Trú quán: Nhà số 50, tổ dân phố Đ, phường X, thành phố B,tỉnh Bắc Giang.

- Chị Đỗ Thị H, sinh năm 1982

Trú quán: Số nhà 24b, đường H, phường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

- Anh Dương Văn T , sinh năm 1979

Trú quán: Thôn T, xã N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang

- Anh Thân Văn N, sinh năm 1976

Trú quán: Thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang

- Anh Tô Văn M, sinh năm 1966

Trú quán: thôn T, xã N, huyện V, tỉnh Bắc Giang

- Anh Nguyễn Anh T, sinh năm 1966

Trú quán: số nhà 22, phố T, phường L,, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

(Toàn bộ người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 19 giờ 45 phút ngày 21/11/2018, Tổ công tác Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Bắc Giang bắt quả tang Nguyễn Thị T, sinh năm 1973 trú tại số nhà 22, phố T, phường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang có hành vi trả tiền thắng, thua do đánh bạc bằng hình thức bán số lô, số đề cho Nguyễn Văn T, sinh năm 1990, trú tại thôn A, xã T, thành phố B với số tiền là 400.000 đồng.

Vật chứng thu giữ: Thu của Nguyễn Thị T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, vỏ mầu đen, lắp sim số: 0358.831.639. Thu của Nguyễn Văn T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, vỏ mầu đen, lắp sim số: 0523.652.878 và số tiền 585.000đồng.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Thị T và Nguyễn Văn T khai nhận: Khoảng 16giờ 30 phút ngày 21/11/2018, Nguyễn Văn T đến quầy bán vé xổ số của T ở khu vực ngã tư đường N và đường L, thành phố B để mua số lô, số đề, T1 đã sử dụng điện thoại lắp sim số 0523.652.878 nhắn tin vào số 0358.831.639 của T3 để đánh bạc bằng hình thức mua số lô, đề với tổng số tiền 1.350.000 đồng, sau khi bớt phần trăm cho T1, T thu của T1 1.285.000 đồng, T1 đưa cho T cả 1.400.000đồng chưa lấy tiền trả lại. Đến khoảng 19 giờ 40 phút cùng ngày, T1 đến nhà T ở địa chỉ trên để lấy tiền trúng đề, khi T vừa đưa cho T1 số tiền 585.000đồng (gồm tiền trúng đề 400.000 đồng và 185.000 tiền thừa của T1) thì bị Công an tỉnh bắt quả tang thu giữ vật chứng như trên.

Ngoài ra Nguyễn Thị T còn khai nhận: Trong ngày 21/11/2018, T3 làm trung gian để đánh bạc bằng hình thức bán số lô, số đề cho 1 số người không rõ tên, địa chỉ với hình thức nhận tin nhắn SMS qua điện thoại di động. Toàn bộ số tiền đánh bạc sau khi nhận tin nhắn, T chuyển cho Nguyễn Thị T, sinh năm 1960 ở số nhà 27, đường L, phường X, thành phố B, tỉnh Bắc Giang có số điện thoại 0372.966.196 cũng bằng hình thức tin nhắn SMS để hưởng phần trăm hoa hồng. Số tiền đánh bạc T đã nhắn cho T2 được xác định là 15.156.500 đồng (trong đó số tiền mua số lô, số đề là 10.056.500 đồng, số tiền trúng đề là 5.100.000 đồng)

Căn cứ lời khai của T, cùng ngày 21/11/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Giang tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Thị T, thu giữ: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, vỏ màu đen, lắp sim số 0372.966.196; 05 tờ giấy một mặt ghi số và chữ, một mặt ghi "Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)", 01 bút bi mực xanh, 01 máy tính nhãn hiệu Casio và số tiền 25.000.000 đồng.

Cùng ngày 21/11/2018, Nguyễn Thị T đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Giang đầu thú về hành vi đánh bạc và tự nguyện giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, vỏ màu trắng, lắp sim số 0962.685.858. Tại cơ quan điều tra, T2 khai nhận toàn bộ hành vi đánh bạc với Nguyễn Thị T với số tiền 15.156.500 đồng như đã nêu trên. Ngoài ra, T2 còn khai nhận, trong ngày 21/11/2018, T2 nhận tin nhắn đánh bạc bằng hình thức số lô, số đề từ số điện thoại 0917.635.164 của Nguyễn Thị M, sinh năm 1974 trú tại số nhà 03, đường đê T, thành phố B; từ số điện thoại 0942.732.012 của Nguyễn Khắc L, sinh năm 1945 ở số nhà 26, đường T, phường L, thành phố B và từ số điện thoại 0337.024.454 của Đồng Minh T, sinh năm 1972 ở số nhà 50, tổ dân phố Đ, phường X, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Sau khi nhận tin nhắn đánh bạc của những người trên, T2 đã chuyển toàn bộ tin nhắn đánh bạc của Nguyễn Thị M cho Đỗ Mạnh N, sinh năm 1979 ở thôn T, xã N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; các tin nhắn đánh bạc còn lại T2 chuyển toàn bộ cho Đỗ Thị H, sinh năm 1982 ở số nhà 24b, đường H, phường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang có số điện thoại 0886.130.086 để hưởng phần trăm hoa hồng.

Cùng ngày 21/11/2018, Đỗ Mạnh N và ngày 22/11/2018 Nguyễn Thị M đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Giang đầu thú về hành vi đánh bạc của mình.

Căn cứ lời khai của các đối tượng, ngày 21/11/2018 và ngày 22/11/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Giang đã tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Đỗ Mạnh N, Nguyễn Thị M, Đỗ Thị H. Quá trình khám xét thu giữ những đồ vật, tài liệu sau:

+ Thu tại nhà Đỗ Mạnh N: Thu của N 01 điện thoại di động nhãn hiệu SamSung, vỏ màu tím hồng lắp sim 0964.548.934, 01 điện thoại di động Iphone, màu đen lắp sim 0912.505.601, số tiền 19.150.000 đồng, thu trong két sắt số tiền 196.500.000 đồng.

+ Thu tại nhà Nguyễn Thị M: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, vỏ màu đen, máy lắp sim số 0917.635.164, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, vỏ màu đen, máy lắp sim số 0912.883.784 và số tiền 10.000.000 đồng.

+ Tại nhà Đỗ Thị H không thu giữ đồ vật, tài liệu gì.

Kết quả điều tra xác định hành vi đánh bạc của các bị cáo như sau:

1. Về hình thức đánh bạc: Lợi dụng kết quả xổ số kiết thiết Miền Bắc công bố hàng ngày trên phương tiện thông tin đại chúng, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị M đã nhận bán số lô, số đề qua tin nhắn SMS (hoặc trực tiếp), sau đó T3, Mơ gửi tin nhắn SMS có các số lô, số đề đã nhận cho Nguyễn Thị T để hưởng tiền phần trăm hoa hồng. Nguyễn Thị T làm trung gian nhận tin nhắn đánh bạc của T3, Mơ và nhận tin nhắn đánh bạc (số lô, số đề) của Nguyễn Khắc L và Đồng Minh T (theo T2 khai) có địa chỉ như trên. Sau khi nhận tin nhắn đánh bạc của 4 người trên thì T2 đã chuyển toàn bộ tin nhắn đánh bạc của Nguyễn Thị M cho Đỗ Mạnh N; các tin nhắn đánh bạc còn lại T2 chuyển toàn bộ cho Đỗ Thị H để hưởng phần trăm hoa hồng. Sau khi nhận tin nhắn đánh bạc của T2 thì Đỗ Mạnh N tự tính toán được thua không chuyển cho ai khác.

- Việc đánh bạc (bán số lô, số đề) gồm các dạng như sau:

+ Dạng thứ nhất gọi là đề "Đặc biệt", "Nhất to" hoặc "2 cửa"; ký hiệu ghi đề Đặc biệt là: Đb, db, Db; ghi đề nhất to là: NT, Nt, Nto, nt; đề 2 cửa ghi là: 2 Cua, 2 cua, X2. Người chơi đặt cược hai số cuối của giải đặc biệt hoặc giải nhất hoặc đặt cược cả 2 số cuối của giải đặc biệt và giải nhất của kết quả xổ số kiến thiết Miền Bắc, nếu trúng người chơi đề sẽ được trả thưởng gấp 70 lần tiền cược, nếu không trúng thì mất số tiền đặt cược.

+ Dạng thứ ba gọi là chơi "Lô", ký hiệu là: Lo, Lô, lô: Người chơi đặt cược 2 số cuối của tất cả các giải kết quả xổ số, nếu trúng cược sẽ được trả 80.000 đồng/1 điểm (mỗi điểm người chơi phải đặt cược 21.700 đồng đến 22.500 đồng). Một số đặt cược chỉ được trả thưởng tối đa 03 lần nếu khi so với kết quả xổ số có nhiều lần xuất hiện số đặt cược đó. Nếu người chơi thua thì bị mất số tiền đặt cược.

+ Dạng thứ tư gọi là chơi "lô xiên", ký hiệu là: xien, Xien, Xiên, X, xie,": Người chơi đặt cược từng cặp số gồm cặp 2 số, cặp 3 số, cặp 4 số (mỗi số gồm có 2 chữ số) để cược với hai số cuối cùng của tất cả các giải xổ số. Nếu trúng người chơi sẽ được trả thưởng theo tỷ lệ: Cặp 2 số (xiên 2) hưởng gấp 10 lần số tiền đặt cược, cặp 3 số (xiên 3) hưởng gấp 40 lần số tiền đặt cược, cặp 4 số (xiên 4) hưởng gấp 100 lần số tiền đặt cược. Nếu người chơi thua thì bị mất số tiền đặt cược.

+ Tin nhắn được tính từ trái qua phải, bên trái ghi số lô đề còn bên phải ghi số tiền người chơi đặt cược với đơn vị tính là 1.000 đồng hoặc là số điểm lô.

Tuỳ từng dạng đánh lô, đề của người đánh bạc mà các bị cáo thu tiền và hưởng phần trăm hoa hồng như sau:

+ Nguyễn Thị M: Ở dạng đề đặc biệt, nhất to, 2 cửa, lô xiên, Mơ thu của người đánh 80% số tiền người đánh mua, sau đó chuyển cho T2 75% (hưởng hoa hồng 5%); Ở dạng lô, M thu của người đánh 22.500đồng/1 điểm lô, nộp cho T2 22.200 đồng (hưởng hoa hồng 300 đồng/1 điểm lô).

+ Nguyễn Thị T: Ở dạng đề đặc biệt, nhất to, 2 cửa, T3 thu của người đánh 80% số tiền người đánh mua, sau đó chuyển cho T2 74% (hưởng hoa hồng 06%); Ở dạng lô, T3 thu của người đánh 22.500đồng/1 điểm lô, nộp cho T2 21.900đồng (hưởng hoa hồng 600 đồng/1 điểm lô). Ở dạng lô xiên, T3 thu của người đánh 80% số tiền người đánh mua, nộp cho T2 72% (hưởng hoa hồng 8%).

+ Nguyễn Thị T: Ở dạng đề đặc biệt, nhất to, 2 cửa, T2 thu của thư ký từ 74% đến 75% số tiền người đánh mua, sau đó chuyển cho N, H 72% (hưởng hoa hồng từ 02 đến 03%); Ở dạng lô, T2 thu của thư ký từ 21.900đồng đến 22.200đồng/1 điểm lô, chuyển cho N, H 21.700đồng (hưởng hoa hồng từ 200 đồng đến 500 đồng/1 điểm lô). Ở dạng lô xiên, T2 thu của thư ký từ 72% đến 75% số tiền người đánh mua, chuyển cho N, H 65% (hưởng hoa hồng từ 07 đến 10%).

+ Đỗ Mạnh N: Tỉ lệ thu như Nguyễn Thị T.

2. Hành vi đánh bạc của các bị cáo được xác định như sau:

2.1. Hành vi đánh bạc của Nguyễn Thị M: M bán vé xổ số trước cửa nhà tại số nhà 02, đường đê T, thành phố B, ngày 21/11/2018, ngoài bán vé xổ số thì Mơ còn là thư ký nhận 04 tin nhắn đánh bạc của người đánh bạc gửi đến điện thoại di động của mình có lắp sim số 0917.635.164 để mua số lô, số đề; sau khi nhận tin nhắn M chuyển toàn bộ tin nhắn lô đề cho T2 (tin nhắn còn lưu trong máy điện thoại của M, T2 và T1) với tổng số tiền đánh bạc là 11.584.000 đồng (tiền bán lô, số đề là 5.184.000 đồng, tiền trúng đề là 6.400.000 đồng). Cụ thể:

+ Tin nhắn 1: Số tiền đánh bạc là 288.000đồng (không có số trúng đề).

+ Tin nhắn 2: Số tiền đánh bạc là 10.736.000 đồng (tiền bán lô đề 4.336.000đồng, số tiền trúng đề là 6.400.000đồng)

+ Tin nhắn 3: Số tiền đánh bạc là 440.000đồng (không có số trúng đề).

+ Tin nhắn 4: Số tiền đánh bạc là 120.000đồng (không có số trúng đề).

2.2. Hành vi đánh bạc của Nguyễn Thị T: T3 bán vé xổ số tại khu vực ngã tư đường N và đường L, thành phố B, ngày 21/11/2018, ngoài bán vé xổ số thì T3 còn là thư ký nhận 06 tin nhắn đánh bạc của người đánh bạc gửi đến điện thoại di động Iphone của mình lắp sim số 0358.831.639 để mua số lô, số đề với tổng số tiền đánh bạc là 16.841.500 đồng (tiền bán số lô, số đề là 11.341.500 đồng, tiền trúng đề là 5.500.000 đồng). Các tin nhắn này được lưu trong điện thoại của T3 03 tin nhắn, còn 03 tin nhắn còn lưu trong máy điện thoại của T2. Cụ thể là:

+ Tin nhắn của số điện thoại T3 ghi danh bạ là "Ban Cân": Số tiền đánh bạc là 785.000đồng (số tiền bán lô đề 385.000đồng, số tiền trúng đề là 400.000đồng).

+ Tin nhắn của số điện thoại T3 ghi danh bạ là "Ba Quyên": Số tiền đánh bạc là 3.210.000đồng (tiền bán lô đề 1.610.000đồng, số tiền trúng đề là 1.600.000đồng)

+ Tin nhắn Nguyễn Văn T đánh bạc với T3: Số tiền đánh bạc là 1.685.000đồng (tiền bán lô đề 1.285.000đồng; số tiền trúng đề 400.000đồng).

+ 03 tin nhắn ghi cho người đánh bạc không quen biết: Tổng số tiền đánh bạc là 11.161.500đồng (tiền bán lô đề là 8.061.500đồng, số tiền trúng đề 3.100.000đồng).

2.3. Hành vi đánh bạc của Nguyễn Thị T: T2 làm trung gian nhận tin nhắn đánh bạc của các thư ký chuyển đến điện thoại di động Nokia của mình lắp sim số 0372.966.196, rồi T2 lại chuyển đi cho người khác để hưởng tiền phần trăm hoa hồng. Trong ngày 21/11/2018, T2 nhận được 06 tin nhắn đánh bạc của T3, nhận được 04 tin nhắn đánh bạc của M (như đã nêu trên), T2 khai, nhận được 01 tin nhắn đánh bạc của Đồng Minh T, nhận được 03 tin nhắn đánh bạc của Nguyễn Khắc L. Sau đó T2 đã chuyển toàn bộ tin nhắn đánh bạc của Mơ cho Đỗ Mạnh N; các tin nhắn đánh bạc còn lại T2 chuyển toàn bộ cho Đỗ Thị H (các tin nhắn đến và đi liên quan đến việc đánh bạc của T2 đều được lưu giữ trong máy điện thoại có lắp sim số 0372.966.196 của T2). Tổng số tiền đánh bạc của T2 xác định là 64.062.800đồng (tiền bán lô đề là 35.062.80000 đồng, tiền trúng đề là 29.000.000đồng). Cụ thể:

- T2 đánh bạc với T3 với tổng số tiền là 16.841.500 đồng (tiền bán lô đề là 11.341.500 đồng, tiền trúng thưởng là 5.500.000đồng);

- T2 đánh bạc với M với tổng số tiền là 11.584.000đồng (tiền bán lô đề là 5.184.000 đồng, tiền trúng thưởng là 6.400.000đồng);

- T2 khai đánh bạc với Luận (03 tin nhắn) với tổng số tiền là 12.325.500đồng (tiền bán lô đề là 8.825.500đồng, tiền trúng thưởng là 3.500.000đồng), cụ thể:

+ Tin nhắn 1: Số tiền đánh bạc là 11.696.500 đồng (tiền bán lô đề 8.196.500 đồng, số tiền trúng đề là 3.500.000đồng)

+ Tin nhắn 2: Có số tiền đánh bạc là 444.000đồng (tiền bán lô đề 444.000 đồng, không có số trúng).

+ Tin nhắn 3: Có số tiền đánh bạc là đồng (tiền bán lô đề 185.000 đồng, không có số trúng).

- T2 khai đánh bạc với T (01 tin nhắn) với tổng số tiền là 23.311.800 đồng (tiền bán lô đề là 9.711.800 đồng, tiền trúng đề là 13.600.000 đồng).

Số tin nhắn đánh bạc xác định T2 khai đã gửi cho Đỗ Thị H với số tiền là 52.478.800đồng (tiền bán lô đề 29.878.800đồng, số tiền trúng đề là 22.600.000đồng). Căn cứ để xác định T2 phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi đánh bạc của mình đã được thể hiện qua kết quả kiểm tra điện thoại của T2. Do vậy, T2 phải chịu trách nhiệm hình sự đối với 64.062.800đồng (tiền bán lô đề là 35.062.800 đồng, tiền trúng thưởng là 29.000.000đồng).

Số tin nhắn đánh bạc xác định T2 chuyển cho N với số tiền là 11.584.000 đồng (tiền bán lô đề là 5.184.000đồng, tiền trúng đề là 6.400.000đồng).

2.4. Hành vi đánh bạc của Đỗ Mạnh N: N không làm thư ký ghi số lô, số đề mà đứng ra nhận tin nhắn đánh bạc của các thư ký chuyển đến điện thoại di động Samsung lắp sim số 0964.548.934, rồi tự tính toán trả thưởng. Ngày 21/11/2018, N nhận 04 tin nhắn của T2 (tin nhắn còn lưu trong máy điện thoại của N và của T2), với số tiền đánh bạc là 11.584.000 đồng (tiền bán lô đề là 5.1874.000đồng, tiền trúng đề là 6.400.000đồng) như đã nêu trên.

3. Về các nội dung có liên quan đến vụ án:

Ngày 21/11/2018, ngày 22/11/2018 và ngày 28/11/2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Giang tiến hành kiểm tra 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia lắp sim số 0372.966.196 thu của Nguyễn Thị T; kiểm tra 2 chiếc điện thoại di động thu giữ của Đỗ Mạnh N (01 điện thoại Samsung lắp sim số 0964.548.934; 01điện thoại Iphone lắp sim số 0912.505.601); kiểm tra 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia có lắp sim số 0917.635.164 của Nguyễn Thị M; kiểm tra 01 điện thoại của nhãn hiệu Nokia lắp sim số 0523.652.878 thu của Nguyễn Văn T. Kết quả như sau:

- Điện thoại di động nhãn hiệu Nokia lắp sim số 0372.966.196 thu của Nguyễn Thị T: Xác định có số điện thoại của M, T3, L, T gửi tin nhắn đến đánh bạc với T2, có tin nhắn đánh bạc do T2 gửi cho các số điện thoại của N và H như trên, còn 1 tin nhắn mà T2 nhận của T3 không phản ánh trong mục gửi cho H, T2 khai nhận do ấn nhầm nút xoá tin nhắn nên trong điện thoại không còn lưu giữ 01 tin đã chuyển cho H.

- Điện thoại nhãn hiệu Nokia có lắp sim số 0917.635.164 của Nguyễn Thị M: tại mục tin nhắn có các tin nhắn liên quan đến số lô số đề trùng với những nội dung đã kiểm tra máy điện thoại của T2 nêu trên.

- Điện thoại nhãn hiệu Nokia có lắp sim 0523.652.878 thu của Nguyễn Văn T: tại mục tin nhắn lưu giữ tin nhắn của T gửi cho Nguyễn Thị T các số lô, số đề mà T đánh bạc với T3 ngày 21/11/2018, trùng với tin nhắn của T3 đã khai nhận như trên.

- Điện thoại Samsung lắp sim số 0964.548.934 của Đỗ Mạnh N: Ngoài các tin nhắn của T2 gửi cho N có liên quan đến hành vi đánh bạc còn có một số tin nhắn có dấu hiệu liên quan đến việc đánh bạc bằng hình thức nhắn tin các số lô, số đề với một số người có tên và địa chỉ cụ thể, đó là: Dương Văn T, sinh năm 1979 ở thôn T, xã N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang (số điện thoại 0968.658.758); Thân Văn N, sinh năm 1976 ở thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang (số điện thoại 0966.702.599); Tô Văn M, sinh năm 1966 ở thôn T, xã N, huyện V, tỉnh Bắc Giang (số điện thoại 0339.415.659); người phụ nữ tên H ở Thái Nguyên (số điện thoại 0336.914.673); Người đàn ông tên H, không rõ năm sinh, ở thị trấn T, huyện H, tỉnh Bắc Giang (số điện thoại 0346.234.482); người đàn ông tên M, không rõ năm sinh, ở gần sân bóng xã S, thành phố B (số điện thoại 0328.316.610); Người có số điện thoại 0332.620.929; Người phụ nữ tên T, không rõ năm sinh, nhà ở

thành phố B (số điện thoại 0388.177.216) và 1 người phụ nữ không biết tên (số điện thoại 0329.414.341) quen qua T.

- Điện thoại Iphone lắp sim số 0912.505.601: không phát hiện nội dung gì liên quan đến hành vi đánh bạc.

Quá trình điều tra, ban đầu Đỗ Mạnh N khai nhận có nhận được tin nhắn đánh bạc của những người trên nhưng sau đó N đã thay đổi lời khai, không thừa nhận đã nhận bán số lô, số đề với những người này vì khi thấy nhiều người chuyển đến, do không biết rõ về lai lịch của họ, số tiền đánh bạc nhiều nên Nhung sợ sẽ bị thua lỗ, sau khi nhận tin nhắn N đã điện thoại thông báo cho chính người đã gửi tin nhắn đến không đồng ý đánh bạc với họ. Cơ quan điều tra tiến hành các biện pháp điều tra thu thập chứng cứ nhưng chỉ tiến hành ghi lời khai được với Dương Văn T, Tô Văn M và những người có tên đăng ký với một số thuê bao điện thoại trên, những người này đều không thừa nhận hành vi đánh bạc với N, cho bị cáo N đối chất với T, M nhưng không có kết quả. Mặt khác, kết quả kiểm tra thời gian nhận các tin nhắn có dấu hiệu đánh bạc nêu trên có cả một số tin chuyển cho N sau giờ mở thưởng kết quả xổ số. Do đó, chưa đủ căn cứ để kết luận các tin nhắn này là tin nhắn đánh bạc của N và các đối tượng liên quan.

Đối với Thân Văn N, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhiều lần nhưng Ngọc không có mặt tại địa phương, cơ quan điều tra đã tách hành vi của N để tiếp tục xác minh, làm rõ. Các các đối tượng mà NN không biết rõ tên tuổi, địa chỉ cụ thể, cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng chưa xác định được nên cũng không có căn cứ để xử lý.

Đối với Nguyễn Khắc L, Đồng Minh T và Đỗ Thị H là những người mà Nguyễn Thị Thúy khai đã mua bán số lô, số đề với Thúy ngày 21/11/2018. Quá trình điều tra L,T,H đều không thừa nhận hành vi đánh bạc với T2, cơ quan điều tra đã cho đối chất với Thúy nhưng không có kết quả nên chưa đủ căn cứ để xem xét xử lý đối với L, T, H.

Đối tượng tự khai tên là Nguyễn Văn T, sinh năm 1990 ở thôn An Bình, xã Tân Tiến, thành phố B mua số lô, số đề của Nguyễn Thị T ngày 21/11/2018 với số tiền đánh bạc là 1.685.000đồng (bao gồm 1.285.000đồng tiền mua số lô, số đề và 400.000đồng tiền trúng thưởng), sau khi bị bắt quả tang, Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Bắc Giang đã tiến hành ghi lời khai, cho T viết bản kiểm điểm, tường trình nhưng T đã lợi dụng sơ hở bỏ trốn. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh tại địa chỉ đối tượng khai nhưng không có ai có tên và lai lịch như trên nên không có căn cứ xử lý.

Cơ quan điều tra đã tiến hành Lệnh thu giữ thư tín, điện tín tại các Tập đoàn công nghiệp viễn thông quân đội Viettel, tổng Công ty Hạ tầng mạng (VNPT – Net), tổng công ty viễn thông Mobiphone, tổng công ty cổ phần viễn thông di động Vietnammobile đối với các số điện thoại liên quan trong vụ án. Kết quả thu giữ xác định:

+ Số điện thoại 0917.635.164 của Nguyễn Thị M sử dụng để đánh bạc được đăng ký thông tin thuê bao chính chủ; số điện thoại 0358.831.639 do Nguyễn Thị

T sử dụng đánh bạc có thông tin thuê bao mang tên chồng của T3 là Nguyễn Anh T;

+ Các số điện thoại khác có nội dung trao đổi liên quan đến mua bán số lô, số đề với các bị can được đăng ký với các tên thuê bao khác nhau, có số đăng ký, số chứng minh nhân dân không có thật, đăng ký thông tin không đầy đủ…nên cơ quan điều tra không có căn cứ để làm rõ.

4. Về số tài sản, vật chứng thu giữ trong quá trình điều tra:

+ Đối với số tiền 215.650.000 đồng và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu đen thu giữ khi khám xét nơi ở Đỗ Mạnh N, quá trình điều tra xác định không liên quan đến hành vi đánh bạc của N nên ngày 26/12/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Giang đã trả lại cho Nhung. Còn lại chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SamSung, vỏ màu tím hồng lắp sim 0964.548.934 liên quan đến hành vi đánh bạc đã được nhập kho vật chứng theo quy định.

+ Số tiền 25.000.000đồng thu tại nhà Nguyễn Thị T, quá trình điều tra xác định là tài sản của anh Lưu Hoà V, sinh năm 1989 (là con trai T2) ở cùng địa chỉ với T2, ngày 02/02/2019, Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh V. 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, vỏ màu đen, máy lắp sim số 0372.966.196; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, vỏ màu trắng, lắp sim số 0962.685.858, 01 bút bi mực xanh, 01 máy tính nhãn hiệu Casio được nhập kho vật chứng theo quy định; 05 tờ giấy một mặt ghi số và chữ, một mặt ghi "Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)" được lưu trong hồ sơ vụ án.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, vỏ màu đen, máy lắp sim số 0917.635.164; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, vỏ màu đen, máy lắp sim số 0912.883.784 và 10.000.000 đồng (thu của Nguyễn Thị M) được nhập kho vật chứng theo quy định.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, vỏ mầu đen, lắp sim số: 0358.831.639 (thu của Nguyễn Thị T); 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, vỏ mầu đen, lắp sim số: 0523.652.878 và số tiền 585.000đồng (thu của Nguyễn Văn T) được nhập kho vật chứng theo quy định.

5. Về số tiền thu và trả thưởng của các bị cáo như sau:

5.1. Bị cáo Nguyễn Thị T: Ngày 21/11/2018, T3 đã thu được tiền của người đánh bạc là Nguyễn Văn T số tiền 1.285.000đồng, đã trả thưởng cho Tùng 400.000đồng. Còn chưa thu được của người đánh bạc và T3 cũng chưa thanh toán thắng thua với T2.

5.2. Bị cáo Nguyễn Thị M: Ngày 21/11/2018 M đã thu được tiền của khách chơi 5.184.000 đồng, đã trả thưởng cho khách 6.400.000 đồng, chưa thanh toán thắng thua với T2.

5.3. Bị cáo Nguyễn Thị T: Ngày 21/11/2018 T2 được M, T3, T, L chuyển tin nhắn đánh bạc, chưa chuyển tiền cho T2.

5.4. Bị cáo Đỗ Mạnh N: Ngày 21/11/2018, N được T2 chuyển tin nhắn đánh bạc, chưa chuyển tiền cho N.

Với nội dung vụ án như trên, Cáo trạng số 90/KSĐT ngày 28/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố bị cáo Nguyễn Thị T về tội "Đánh bạc" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 321 của Bộ luật hình sự.; truy tố các bị cáo Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị M và Đỗ Mạnh N theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà hôm nay các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi như Cáo trạng đã nêu. Bị cáo T2 khai chiếc máy tính Casio là của gia đình dùng để tính toán trong việc kinh doanh cửa hàng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, vỏ màu trắng, lắp sim số 0962.685.858 không liên quan đến hành vi đánh bạc nên đề nghị xin lại. Bị cáo M khai 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, vỏ màu đen, máy lắp sim số 0912.883.784 không sử dụng để thực hiện hành vi đánh bạc nên đề nghị xin lại.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án vắng mặt nhưng đều có lời khai trong hồ sơ như cáo trạng đã nêu.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

1, Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị M và Đỗ Mạnh N phạm tội "Đánh bạc"

2, Về hình phạt:

- Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Thúy.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo M và bị cáo N.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo T3.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 03 năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung bị cáo từ 12.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng sung Ngân sách Nhà nước.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T từ 12 tháng đến 15 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 tháng đến 30 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng sung Ngân sách Nhà nước.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị M từ 09 tháng đến 12 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng sung Ngân sách Nhà nước.

- Xử phạt bị cáo Đỗ Mạnh N từ 09 tháng đến 12 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng sung Ngân sách Nhà nước.

Giao bị cáo Nguyễn Thị T cho UBND phường X, thành phố B, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Nguyễn Thị T cho UBND phường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Nguyễn Thị M cho UBND phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Đỗ Mạnh N cho UBND xã N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

3, Về vật chứng: Áp điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước:

- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SamSung, vỏ màu tím hồng lắp sim 0964.548.934 của Đỗ Mạnh N

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, vỏ màu đen, máy lắp sim số 0372.966.196 của bị cáo Nguyễn Thị T2

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, vỏ màu đen, máy lắp sim số 0917.635.164 của bị cáo Nguyễn Thị M.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, vỏ mầu đen, lắp sim số: 0358.831.639 của Nguyễn Thị T

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, vỏ mầu đen, lắp sim số: 0523.652.878 và số tiền 585.000đồng của Nguyễn Văn T.

Trả lại cho bị cáo Mơ 10.000.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, vỏ màu đen, máy lắp sim số 0912.883.784 nhưng tạm giữ lại để đảm bảo thi hành án.

Trả lại cho bị cáo T2 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, vỏ màu trắng, lắp sim số 0962.685.858 và 01 máy tính nhãn hiệu Casio của Nguyễn Thị T2, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Tịch thu tiêu hủy: 01 bút bi mực xanh của Nguyễn Thị T2.

Truy thu sung Ngân sách Nhà nước như sau:

- Truy thu số tiền 1.285.000đồng của bị cáo T3 sử dụng trong việc đánh bạc.

- Truy thu số tiền 5.184.000đồng của Mơ sử dụng trong việc đánh bạc.

4, Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định pháp luật.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận với bản luận tội của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành

phố B, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về sự có mặt của đương sự: Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ Điều 292 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt họ.

[3] Về tội danh: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu giữ, Hội đồng xét xử xét thấy đã có đủ cơ sở kết luận: Trong ngày 21/11/2018, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị M là thư ký đánh bạc, đã có hành vi đánh bạc trái phép dưới hình thức bán số lô, số đề qua tin nhắn điện thoại, T3 và Mơ chuyển tin nhắn đánh bạc cho Nguyễn Thị T để hưởng phần trăm hoa hồng; Nguyễn Thị T làm trung gian nhận tin nhắn đánh bạc từ T3, Mơ và các đối tượng khác, rồi chuyển tin nhắn cho Đỗ Mạnh N và Đỗ Thị H để hưởng phần trăm hoa hồng; Đỗ Mạnh N không làm thư ký mà đứng ra nhận tin nhắn đánh bạc của T2 chuyển đến để tự tính toán trả tiền trúng đề (nếu có). Cụ thể các bị cáo đánh bạc với số tiền như sau:

- Nguyễn Thị T đánh bạc với tổng số tiền là 64.062.800đồng (tiền bán lô đề là 35.062.800 đồng, tiền trúng đề là 29.000.000đồng).

- Nguyễn Thị T đánh bạc với tổng số tiền là 16.841.500 đồng (tiền bán lô đề là 11.341.500 đồng, tiền trúng đề là 5.500.000 đồng)

- Nguyễn Thị M đánh bạc với tổng số tiền là 11.584.000đồng (tiền bán lô đề là 5.184.000 đồng, tiền trúng đề là 6.400.000 đồng).

- Đỗ Mạnh N đánh bạc với tổng số tiền là 11.584.000 đồng (tiền bán lô đề là 5.184.000đồng, tiền trúng đề là 6.400.000đồng).

Hành vi của bị cáo Nguyễn Thị T đã phạm tội "Đánh bạc" quy định tại điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật hình sự; hành vi của các bị cáo Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị M và Đỗ Mạnh N đã phạm tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Về tính chất hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm vào các quy định của Nhà nước về trật tự công cộng, gây ảnh hưởng đến trật tự trị an tại địa phương. Hơn nữa, hành vi phạm tội của các bị cáo có thể làm nẩy sinh nhiều loại tội phạm khác, là nguyên nhân gây nên những thiệt hại vật chất và là một trong những nguyên nhân dẫn đến tan vỡ hạnh phúc gia đình. Các bị cáo nhận thức được hành vi đánh bạc là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện. Vì vậy vụ án cần phải được xét xử tương xứng với tính chất và mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo để nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này.

[5] Xét vai trò của từng bị cáo thì thấy: Trong vụ án này bị cáo Mơ, T3 nhận ghi lô, đề của các đối tượng khác rồi gửi tin nhắn cho T2 hưởng hoa hồng, Thúy cũng làm trung gian lại chuyển đi cho bị cáo Nhung để hưởng tiền phần trăm hoa hồng, nhưng giữa các bị cáo không có sự câu kết chặt chẽ, không tổ chức, phân

công thực hiện hành vi phạm tội nên thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Bị cáo Thúy đánh bạc với số tiền lớn nhất nên có vai trò lớn nhất, tiếp đến bị cáo T3 rồi đến bị cáo Mơ và bị cáo Nhung.

[6] Xét về nhân thân của bị cáo thì thấy: Trước khi thực hiện hành vi phạm tội này các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa bị Tòa án nào xét xử về tội gì, cũng chưa bị Cơ quan nhà nước có thẩm quyền nào xử lý vi phạm hành chính.

[7] Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo T3, Nhung, Mơ phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo Thúy có thái độ thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự; các bị cáo Nhung, bị cáo Mơ, bị cáo Thúy đầu thú nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự

[8] Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Với tính chất hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, như trên, xét bản thân các bị cáo đều có nơi cư trú rõ ràng, Hội đồng xét xử xét thấy không cần bắt các bị cáo chịu hình phạt tù, cho các bị cáo hưởng án treo thì các bị cáo cũng có thể tự cải tạo, không gây nguy hiểm cho xã hội, không gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự an toàn xã hội, phù hợp với quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự và Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán-Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo

[9] Xét về hình phạt bổ sung: Các bị cáo phạm tội vì mục đích vụ lợi, bản thân các bị cáo không thuộc trường hợp hộ nghèo hay có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên cần áp dụng khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự, phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo để sung ngân sách Nhà nước.

[10] Về vật chứng của vụ án:

[10.1]Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước các vật chứng các bị cáo sử dụng thực hiện hành vi phạm tội như sau:

- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SamSung, vỏ màu tím hồng lắp sim 0964.548.934 của Đỗ Mạnh N

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, vỏ màu đen, máy lắp sim số 0372.966.196 của bị cáo Nguyễn Thị Thúy

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, vỏ màu đen, máy lắp sim số 0917.635.164 của bị cáo Nguyễn Thị M.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, vỏ mầu đen, lắp sim số: 0358.831.639 của Nguyễn Thị T

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, vỏ mầu đen, lắp sim số: 0523.652.878 và số tiền 585.000đồng của Nguyễn Văn T.

[10.2] Trả lại tài sản do không liên quan đến hành vi phạm tội, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án như sau:

- Trả lại cho bị cáo M 10.000.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, vỏ màu đen, máy lắp sim số 0912.883.784, nhưng tạm giữ lại để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại cho bị cáo T2 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, vỏ màu trắng, lắp sim số 0962.685.858, 01 máy tính nhãn hiệu Casio của Nguyễn Thị T2, nhưng tạm giữ lại để đảm bảo thi hành án.

[10.3]Tịch thu tiêu hủy: 01 bút bi mực xanh của Nguyễn Thị T2.

[11] Đối với số tiền các bị cáo thu được khi thực hiện hành vi đánh bạc:

- Bị cáo T3 đã thu được tiền của người đánh bạc là Nguyễn Văn T số tiền 1.285.000 đồng, do đó cần buộc T3 nộp lại số tiền 1.285.000 đồng sung Ngân sách Nhà nước.

- Bị cáo Nguyễn Thị M đã thu được tiền của khách đánh lô đề 5.184.000 đồng. Do vậy, cần buộc M nộp lại số tiền 5.184.000 đồng sung Ngân sách Nhà nước.

[12] Về các vấn đề khác có liên quan:

- Đối với số tiền 25.000.000 đồng thu tại nhà Nguyễn Thị T2, quá trình điều tra xác định là tài sản của anh Lưu Hoà V là con của bị cáo T2, , sinh năm 1989 (là con trai T2), ngày 02/02/2019, Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh V, nay anh V không có yêu cầu gì nên không đặt ra xem xét.

- Đối với những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án gồm: Dương Văn T, Tô Văn M, Nguyễn Khắc L, Đồng Minh T và Đỗ Thị H trong quá trình điều tra cơ quan cảnh sát điều tra xác định không đủ căn cứ để xử lý về hành vi đánh bạc của họ; đối tượng Nguyễn Văn T đã bỏ trốn, Cơ quan điều tra không có căn cứ xác minh truy tìm làm rõ đối tượng Nguyễn Văn T để xử lý. Đối với Thân Văn N, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhiều lần nhưng N không có mặt tại địa phương, cơ quan điều tra đã tách hành vi của Ngọc để tiếp tục xác minh, làm rõ. Các các đối tượng khác mà N không biết rõ tên tuổi, địa chỉ cụ thể, cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng chưa xác định được nên cũng không có căn cứ để xử lý. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét những người nêu trên trong vụ án này.

[13] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65; điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 2 và Điều 6 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm

phán-Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo đối với bị cáo Thúy.

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65; điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 2 và Điều 6 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán-Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo đối với bị cáo Mơ và bị cáo Nhung.

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65; điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 2 và Điều 6 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán-Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo đối với bị cáo T3.

Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với các bị cáo.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị M và Đỗ Mạnh N phạm tội "Đánh bạc"

2. Về hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 03 năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung bị cáo 12.000.000 đồng sung Ngân sách Nhà nước.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 01 năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000 đồng sung Ngân sách Nhà nước.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị M 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000 đồng sung Ngân sách Nhà nước.

- Xử phạt bị cáo Đỗ Mạnh N 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000 đồng sung Ngân sách Nhà nước.

Giao bị cáo Nguyễn Thị T cho UBND phường X, thành phố B, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Nguyễn Thị T cho UBND phường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Nguyễn Thị M cho UBND phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Đỗ Mạnh N cho UBND xã N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có

thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định của Bộ luật hình sự.

3. Về vật chứng:

3.1.Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước những tài sản sau:

- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SamSung, vỏ màu tím hồng lắp sim 0964.548.934 của bị cáo Nhung

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, vỏ màu đen, máy lắp sim số 0372.966.196 của bị cáo Thúy.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, vỏ màu đen, máy lắp sim số 0917.635.164 của bị cáo M

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, vỏ mầu đen, lắp sim số: 0358.831.639 của bị cáo T3.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, vỏ mầu đen, lắp sim số: 0523.652.878 và số tiền 585.000đồng của anh Nguyễn Văn T.

3.2. Tịch thu tiêu hủy: 01 bút bi mực xanh của bị cáo T2.

3.3. Trả lại những tài sản sau:

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị M 10.000.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, vỏ màu đen, máy lắp sim số 0912.883.784, nhưng tạm giữ lại để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị T2 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, vỏ màu trắng, lắp sim số 0962.685.858 và 01 máy tính nhãn hiệu Casio, nhưng tạm giữ lại để đảm bảo thi hành án.

3.4. Buộc bị cáo nộp lại số tiền như sau:

- Buộc bị cáo Nguyễn Thị T nộp lại số tiền 1.285.000đ đồng sung Ngân sách Nhà nước.

- Buộc bị cáo Nguyễn Thị M nộp lại số tiền 5.184.000 đồng sung Ngân sách Nhà nước.

4. Về án phí: Buộc các bị cáo Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị M và Đỗ Mạnh N, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Mạnh Thắng

<u>Nơi nhận</u>
- *TAND tỉnh Bắc Giang.*
- *VKSND tỉnh Bắc Giang;*
- *VKSND TP. B.*
- *Công an TP. B.*
- *Chi cục THADS TP.B.*
- *Người tham gia tố tụng.*
- *Lưu HS, VP.*